

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiệm và bà Phạm Thị Thu Kiều.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 115/TB-TA ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L.

Cùng địa chỉ: Khu dân cư 4, thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc L tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 12/5/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung hạnh phúc đến giữa năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh L không lo làm ăn mà suốt ngày ăn chơi ngoài đường, không quan tâm gì đến vợ con. Chị đã khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống chung không có

hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L đã hết nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Nữ Thục U, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Đăng P, sinh ngày 09/11/2013; khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con Thục U và Đăng P mỗi tháng 2.000.000đ/ cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc chị T khởi kiện nhưng anh L không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T nên không có lời khai tại Tòa án.

Những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm: giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Nữ Thục U, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Đăng P; Sổ hộ khẩu (bản sao).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc L được ly hôn.

+ Giao hai con chung Nguyễn Nữ Thục U, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Đăng P, sinh ngày 09/11/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngoài ra đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12/5/2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh L. Sau khi thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các bên đến để hòa giải, động viên anh chị đoàn tụ chung sống, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị T không những không đồng ý mà còn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh L. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập anh L đến làm việc, hòa giải nhưng anh từ chối nhận văn bản, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị T yêu cầu nuôi con là Nguyễn Nữ Thục U, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Đăng P, sinh ngày 09/11/2013. Xét thấy hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị T, anh L thì không chăm sóc vợ, không trực tiếp nuôi con và cũng không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh L đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trách nhiệm đối với con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về mọi mặt của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý.

[4] *Về cấp dưỡng cho con:* Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con Thục U và Đăng P mỗi cháu 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Căn cứ vào khoản 2, Điều 82; khoản 1 Điều 83 và khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con là hợp lý nhưng mức cấp dưỡng cho con quá cao, không phù hợp với thực tế. Vì hiện nay, theo trình bày của nguyên đơn bị đơn hiện nay không có việc làm ổn định chưa đủ điều kiện để đáp ứng yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1.000.000đ/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì

lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), sung công quỹ Nhà nước. Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Nữ Thực U, sinh ngày 05/7/2005 và Nguyễn Đăng P, sinh ngày 09/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ 1 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002605, ngày 12 tháng 5 năm 2020.

- *Án phí nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ (nuôi con)*: anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

5. Chị Nguyễn Thị Mỹ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/9/2020). Đối với anh Nguyễn Ngọc L không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Quang Hiệp